TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/11/2019.

V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Trương Thoại Lượng.**
2. Ông **Lâm Ngọc Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Trung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 209/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn*"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 23/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Việt H**, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Số 276, Ấp An Tập, xã AH, huyện CT, tỉnh S T.

- ***Bị đơn:*** Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 276, Ấp An Tập, xã AH, huyện CT, tỉnh ST.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 20/8/2019, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anhị Phan Việt H trình bày:

Anh và Chị T tự nguyện chung sống nhau vào như vợ chồng vào ngày 01/01/1987, không đăng ký kết hôn; anh và chị T có 03 con chung tên Phan Thị Huỳnh Anh, sinh ngày 02/02/1988, Phan Thị Mỹ Anh, sinh ngày 06/11/1991 và Phan Thành Nhân, sinh ngày 08/3/1994. Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên không còn chung sống cho đến nay; hiện con đã trưởng thành; tài sản chung, nợ chung không có.

Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với chị T; các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Trần Thị Thanh T:

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tống đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét thấy anh Phan Việt H và chị Trần Thị Thanh T tự nguyện chung sống nhau vào như vợ chồng vào ngày 01/01/1987, không đăng ký kết hôn, căn cứ điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 7 (từ ngày 09/5 đến ngày 09/6/2000) về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình quy định "Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn;... trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về luật hôn nhân và gia đình..." xét thấy đây là hôn nhân thực tế. Tại phiên tòa anh H cương quyết ly hôn. Mặt khác trong thời gian anh, chị không còn sống chung từ năm 2008 đến nay không hàn gắn được; do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung tên Phan Thị Huỳnh Anh, sinh ngày 02/02/1988, Phan Thị Mỹ Anh, sinh ngày 06/11/1991 và Phan Thành Nhân, sinh ngày 08/3/1994; các con anh, chị đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên anh H phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân sự.

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 7 (từ ngày 09/5 đến ngày 09/6/2000).

- Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh **Phan Việt H** và chị **Trần Thị Thanh T**.

- Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung tên Phan Thị Huỳnh Anh, sinh ngày 02/02/1988, Phan Thị Mỹ Anh, sinh ngày 06/11/1991 và Phan Thành Nhân, sinh ngày 08/3/1994. Các con anh, chị đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008857 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhẫn

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã An Hiệp;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỈNH SÓC TRĂNG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 28 tháng 11 năm 2019.

Tại trụ sở: Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư.**
2. Ông **Lâm Ngọc Hà**.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 209/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp xin ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Phan Việt H**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 276, Ấp An Tập, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 276, Ấp An Tập, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất áp dụng điều luật và các nội dung như sau:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân sự.

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 7 (từ ngày 09/5 đến ngày 09/6/2000)..

- Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh **Phan Việt H** và chị **Trần Thị Thanh T**.

- Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung tên Phan Thị Huỳnh Anh, sinh ngày 02/02/1988, Phan Thị Mỹ Anh, sinh ngày 06/11/1991 và Phan Thành Nhân, sinh ngày 08/3/1994. Các con anh, chị đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0008857 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào lúc giờ cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA